

BỘ LUẬT PHÒNG CHỐNG DOPING THẾ GIỚI  
TIÊU CHUẨN  
KỸ THUẬT



# DANH MỤC CẤM

Ngày 01 tháng 01 năm 2017



Các văn bản chính thức về Danh mục cấm được WADA duy trì và được xuất bản bằng tiếng Anh và tiếng Pháp. Trong trường hợp xảy ra bất đồng ngôn ngữ giữa các phiên bản tiếng Anh và tiếng Pháp, phiên bản tiếng Anh sẽ được ưu tiên.

Danh mục này sẽ có hiệu lực từ ngày 01/01/2017

# CÁC CHẤT VÀ PHƯƠNG PHÁP BỊ CẤM TẠI MỌI THỜI ĐIỂM

(BỊ CẤM CẢ TRONG VÀ NGOÀI THI ĐẤU)

Theo điều 4.2.2 của Bộ luật phòng chống Doping thể giới, tất cả các Chất cấm được coi là “Chất đặc hiệu”, trừ những chất thuộc nhóm S1, S2, S4.4, S4.5, S6.a, và các phương pháp cấm M1, M2, M3.

## CÁC CHẤT BỊ CẤM

### **S0** NHỮNG CHẤT CHƯA ĐƯỢC THÔNG QUẢ

Tất cả những dược chất chưa được liệt kê trong các phần dưới đây của Danh mục và chưa được bất cứ cơ quan Y tế có thẩm quyền nào thông qua cho phép dùng để điều trị cho người (ví dụ những chất đang trong giai đoạn nghiên cứu, thử nghiệm, bị đình chỉ, hoặc chỉ sử dụng cho gia súc...) bị cấm trong mọi thời điểm.

### **S1** CÁC CHẤT ĐỒNG HÓA Các chất đồng hóa đều bị cấm

#### 1. ANABOLIC ANDROGENIC STEROIDS (AAS)

##### a. Những chất AAS ngoại sinh\*\*, bao gồm

**1-Androstenediol** (5 $\alpha$ -androst-1-ene-3 $\beta$ ,17 $\beta$ -diol); **1-Androstenedione** (5 $\alpha$ -androst-1-ene-3,17-dione); **1-Testosterone** (17 $\beta$ -hydroxy-5 $\alpha$ -androst-1-en-3-one); **4-Hydroxytestosterone** (4,17 $\beta$ -dihydroxyandrost-4-en-3-one); **Bolandiol** (estr-4-ene-3 $\beta$ ,17 $\beta$ -diol); **Bolasterone**; **Calusterone**; **Clostebol**; **Danazol** ([1,2]oxazolo[4',5':2,3]pregna-4-en-20-yn-17 $\alpha$ -ol); **Dehydrochlormethyltestosterone** (4-chloro-17 $\beta$ -hydroxy-17 $\alpha$ -methylandrosta-1,4-dien-3-one); **Desoxymethyltestosterone** (17 $\alpha$ -methyl-5 $\alpha$ -androst-2-en-17 $\beta$ -ol); **Drostanolone**; **Ethylestrenol** (19- $\alpha$ -pregna-4-en-17 $\alpha$ -ol); **Fluoxymesterone**; **Formebolone**; **Furazabol** (17 $\alpha$ -methyl [1,2,5]oxadiazolo[3',4':2,3]-5 $\alpha$ -androst-17 $\beta$ -ol); **Gestrinone**;

**Mestanolone**;  
**Mesterolone**;  
**Metandienone** (17 $\beta$ -hydroxy-17 $\alpha$ -methylandrosta-1,4-dien-3-one);  
**Metenolone**;  
**Methandriol**;  
**Methasterone** (17 $\beta$ -hydroxy-2 $\alpha$ ,17 $\alpha$ -dimethyl-5 $\alpha$ -androst-3-one);  
**Methyldienolone** (17 $\beta$ -hydroxy-17 $\alpha$ -methylestra-4,9-dien-3-one);  
**Methyl-1-testosterone** (17  $\beta$ -hydroxy-17  $\alpha$ -methyl-5  $\alpha$  -androst-1-en-3-one);  
**Methylnortestosterone** (17 $\beta$ -hydroxy-17 $\alpha$ -methylestr-4-en-3-one);  
**Methyltestosterone**;  
**Metribolone** (methyltrienolone, 17 $\beta$ -hydroxy-17 $\alpha$ -methylestra-4,9,11-trien-3-one);  
**Mibolone**;  
**Norboletone**;  
**Norclostebol**;  
**Norethandrolone**;  
**Oxabolone**;  
**Oxandrolone**;  
**Oxymesterone**;  
**Oxymetholone**;  
**Prostanozolol** (17 $\beta$ -[(tetrahydropyran-2-yl)oxy]-1'H-pyrazolo[3,4:2,3]-5 $\alpha$ -androstane);  
**Quinbolone**;  
**Stanozolol**;  
**Stenbolone**;  
**Tetrahydrogestrinone** (17-hydroxy-18 $\alpha$ -homo-19-nor-17 $\alpha$ -pregna-4,9,11-trien-3-one);  
**Trenbolone** (17 $\beta$ -hydroxyestr-4,9,11-trien-3-one);  
Và các chất khác có cấu trúc hóa học hoặc tác dụng sinh học tương tự.

**b. Những chất AAS nội sinh\*\* được đưa thêm vào cơ thể từ bên ngoài:**

**19-Norandrostenediol** (estr-4-ene-3,17-diol);  
**19-Norandrostenedione** (estr-4-ene-3,17-dione);  
**Androstenediol** (androst-5-ene-3 $\beta$ ,17 $\beta$ -diol); **Androstenedione** (androst-4-ene-3,17-dione); **Boldenone**;  
**Boldione** (androsta-1,4-diene-3,17-dione);  
**Dihydrotestosterone** (17 $\beta$ -hydroxy-5 $\alpha$ -androstan-3-one);  
**Nandrolone** (19-nortestosterone);  
**Prasterone** (dehydroepiandrosterone, DHEA, 3 $\beta$ -hydroxyandrost-5-en-17-one);  
**Testosterone**;

Và các chất chuyển hóa và đồng phân của chúng, bao gồm nhưng không giới hạn trong những chất sau:

**3 $\beta$ -Hydroxy-5 $\alpha$ -androstan-17-one**;  
**5 $\alpha$ -Androst-2-ene-17-one**; **5 $\alpha$ -Androstane-3 $\alpha$ ,17 $\alpha$ -diol**; **5 $\alpha$ -Androstane-3 $\alpha$ ,17 $\beta$ -diol**; **5 $\alpha$ -Androstane-3 $\beta$ ,17 $\alpha$ -diol**; **5 $\alpha$ -Androstane-3 $\beta$ ,17 $\beta$ -diol**; **5 $\beta$ -Androstane-3 $\alpha$ ,17 $\beta$ -diol**; **7 $\alpha$ -Hydroxy-DHEA**;  
**7 $\beta$ -Hydroxy-DHEA**;  
**4-Androstenediol** (androst-4-ene-3 $\beta$ , 17 $\beta$ -diol); **5-Androstenedione** (androst-5-ene-3,17-dione); **7-Keto-DHEA**;  
**19-Norandrosterone**; **19-Noretiocholanolone**;  
**Androst-4-ene-3 $\alpha$ ,17 $\alpha$ -diol**;  
**Androst-4-ene-3 $\alpha$ ,17 $\beta$ -diol**;  
**Androst-4-ene-3 $\beta$ ,17 $\alpha$ -diol**;  
**Androst-5-ene-3 $\alpha$ ,17 $\alpha$ -diol**;  
**Androst-5-ene-3 $\alpha$ ,17 $\beta$ -diol**;  
**Androst-5-ene-3 $\beta$ ,17 $\alpha$ -diol**;  
**Androsterone**;  
**Epi-dihydrotestosterone**;  
**Epitestosterone**;  
**Etiocholanolone**.

**2. NHỮNG CHẤT ĐỒNG HÓA KHÁC**

Bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn trong những chất sau:

- Clenbuterol;
- Selective androgen receptor modulators (SARMs, e.g. andarine and ostarine);
- Tibolone;
- Zeranol;
- Zilpaterol.

**Giải thích cho mục này:**

\* “ngoại sinh” tức là một chất không do cơ thể sản xuất ra.

\*\* “nội sinh” tức là một chất được cơ thể con người sản xuất ra.

**S2 CÁC HORMONE PEPTIDE, YẾU TỐ TĂNG TRƯỞNG, CÁC CHẤT LIÊN QUAN**

Các chất sau đây, và các chất khác có cấu trúc hóa học hoặc tác dụng sinh học tương tự, bị cấm:

**1. Erythropoietin-Receptor agonists:**

**1.1 Erythropoiesis-Stimulating Agents (ESAs) bao gồm v.d.**

Darbepoietin (dEPO);  
Erythropoietins (EPO);  
EPO-Fc;  
EPO-mimetic peptides (EMP), v.d. CNTO 530 và peginesatide;  
GATA inhibitors, v.d. K-11706;  
Methoxypolyethylene glycol-epoetin beta (CERA);  
Transforming Growth Factor- $\beta$  (TGF- $\beta$ ) inhibitors, v.d. sotatercept, luspatercept;

**1.2 Non-erythropoietic EPO-Receptor agonists, v.d.**

ARA-290;  
Asialo EPO;  
Carbamylated EPO.

**2. Hypoxia-inducible factor (HIF) stabilizers, v.d. cobalt, molidustat and roxadustat (FG-4592); and HIF activators, v.d. argon và xenon.**

3. Chorionic Gonadotrophin (CG) and Luteinizing Hormone (LH) và các yếu tố giải phóng của chúng, v.d. buserelin, gonadorelin và leuprorelin, ở nam giới.
4. Corticotrophins và các nhân tố phân tách RF của chúng, v.d. corticorelin.
5. Growth Hormone (GH) và các nhân tố phân tách RF của nó, bao gồm:
  - Growth Hormone Releasing Hormone (GHRH) và các analogue của nó, v.d. CJC-1295, sermorelin và tesamorelin;
  - Growth Hormone Secretagogues (GHS), v.d. ghrelin và ghrelin mimetics, v.d. anamorelin và ipamorelin;
  - GH-Releasing Peptides (GHRPs), v.d. alexamorelin, GHRP-6, hexarelin, và pralmorelin (GHRP-2).

Các yếu tố tăng trưởng khác bị cấm gồm:

**F**ibroblast Growth Factors (FGFs);  
**H**epatocyte Growth Factor (HGF);  
**I**nsulin-like Growth Factor-1 (IGF-1) và các đồng phân của nó;  
**M**echano Growth Factors (MGFs);  
**P**latelet-Derived Growth Factor (PDGF);  
**V**ascular-Endothelial Growth Factor (VEGF) và bất kỳ chất kích thích tăng trưởng nào khác có tác động tới sự tổng hợp/thoái hóa cơ, gân, dây chằng, mạch máu, sử dụng năng lượng, chuyển đổi các dạng sợi cơ.

### **S3** NHÓM TÁC DỤNG CHỌN LỌC BETA (BETA-2 AGONIST)

Tất cả các chất beta-2 agonists đặc hiệu và không đặc hiệu, bao gồm cả các đồng phân quang học đều bị cấm.

Bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn trong những chất sau:

**F**enoterol;  
**F**ormoterol;  
**H**igenamine;  
**I**ndacaterol;  
**O**lodaterol;  
**P**rocaterol;  
**R**eproterol;  
**S**albutamol;  
**S**almeterol;  
**T**erbutaline;  
**V**ilanterol.

### **Ngoại trừ:**

- Salbutamol dạng xịt hơi: Tối đa 1600 microgam trong vòng 24 tiếng, không vượt ngưỡng 800 microgam trong vòng 12 tiếng;
- Formoterol dạng xịt hơi: Liều dùng tối đa 54 microgam trong vòng 24hours;
- Salmeterol dạng xịt hơi: Tối đa 200 microgam trong vòng 24 hours.

Salbutamol với nồng độ trong nước tiểu vượt quá 1000 ng/mL hoặc formoterol vượt quá 40 ng/mL được coi là sử dụng không phải do mục đích điều trị và sẽ bị coi như một Kết quả kiểm tra bất lợi (*Adverse Analytical Finding - AAF*), trừ khi vận động viên chứng minh được, thông qua quá trình nghiên cứu được lý được kiểm soát, rằng nồng độ bất thường đó là hệ quả của việc sử dụng liều lượng xịt cao quá liều lượng được nói tới bên trên.

### **S4** HORMONE VÀ CÁC CHẤT CHUYỂN HÓA

Các hormone và chất chuyển hóa sau đây bị cấm:

1. Các chất ức chế aromatase bao gồm nhưng không chỉ giới hạn trong những chất sau:

**4-Androstene-3,6,17 trione (6-oxo);**  
**A**minoglutethimide;  
**A**nastrozole;  
**A**ndrosta-1,4,6-triene-3,17-dione (androstatrienedione);  
**A**ndrosta-3,5-diene-7,17-dione (arimistane);  
**E**xemestane;  
**F**ormestane;  
**L**etrozole;  
**T**estolactone

2. Tác động tới thụ thể estrogen (SERMs) bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn trong những chất sau:

**R**aloxifene;  
**T**amoxifen;  
**T**oremifene.

3. Các hoạt chất chống estrogen (anti-estrogen) bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn trong những chất sau:

**C**lomiphene;  
**C**yclofenil;  
**F**ulvestrant.

4. Các tác nhân làm thay đổi chức năng cơ bắp bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn trong các chất ức chế chức năng cơ.

5. Các chất làm thay đổi chuyển hóa:

5.1 Activators of the AMP-activated protein kinase (AMPK), v.d. AICAR; và

Peroxisome Proliferator Activated Receptor  $\delta$  (PPAR $\delta$ ) agonists, v.d. GW 1516;

5.2 Insulins và insulin-mimetics;

5.3 Meldonium;

5.4 Trimetazidine.

## S5 CHẤT LỢI TIỂU VÀ CÁC TÁC NHÂN CHE DẤU

Các chất lợi tiểu và tác nhân che dấu sau đây, cũng như là các chất có cấu trúc hoặc học hoặc tác dụng sinh học tương tự, đều bị cấm.

Bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn trong những chất sau:

- Desmopressin; probenecid; plasma expanders, v.d. glycerol và albumin, dextran, hydroxyethyl starch và mannitol được sử dụng dưới dạng tiêm truyền tĩnh mạch;
- Acetazolamide; amiloride; bumetanide; canrenone; chlortalidone; etacrynic acid; furosemide; indapamide; metolazone; spironolactone; thiazides, v.d. bendroflumethiazide, chlorothiazide và hydrochlorothiazide; triamterene and vaptans, v.d. tolvaptan.

Ngoại trừ:

- Drosiprenone; pamabrom; và thuốc ức chế nhãn khoa (v.d. dorzolamide, brinzolamide);
- Sử dụng felypressin tại chỗ trong gây tê nha khoa.

Việc phát hiện trong mẫu kiểm tra Doping của vận động viên được lấy trong hoặc ngoài thi đấu bất kỳ lượng nào của một trong các chất cấm có ngưỡng sau đây: formoterol, salbutamol, cathine, ephedrine, Methylephedrine và pseudoephedrine, được sử dụng cùng với một chất lợi tiểu hoặc tác nhân che dấu, sẽ bị coi như một Kết quả phân tích bất lợi (AAF) trừ khi vận động viên đã được cấp phép một Miễn trừ do điều trị cho chất đó và ngoài ra có một Miễn trừ do điều trị khác đã được cấp cho việc sử dụng chất lợi tiểu và tác nhân che dấu đó.

## CÁC PHƯƠNG PHÁP BỊ CẤM

### M1 TÁC ĐỘNG TỚI MÁU HOẶC CÁC THÀNH PHẦN CỦA MÁU

Các phương pháp sau đây bị cấm:

1. Nhận máu hoặc truyền máu tự thân với bất kỳ liều lượng nào, truyền máu và các thành phần của máu dưới bất kỳ hình thức nào vào hệ thống tuần hoàn.

2. Tăng nhân tạo quá trình hấp thu, vận chuyển và cung cấp oxy.

Bao gồm nhưng không chỉ giới hạn trong việc sử dụng:

Perfluorochemicals; efaproxiral (RSR13) và các sản phẩm hemoglobin, v.d. **haemoglobin- thành phần của máu và micro hemoglobin**, ngoại trừ việc cung cấp oxy bằng đường hít thở.

3. Tất cả các dạng bơm/tiêm tĩnh mạch máu hoặc các thành phần của máu bằng phương pháp vật lý hoặc hóa học.

### M2 TÁC ĐỘNG HÓA HỌC HOẶC VẬT LÝ

Các hành động sau đi bị cấm:

1. Giảm mao, hoặc cố gắng làm giảm mao, để gây ảnh hưởng tới tính nguyên vẹn và tính hợp lệ của mẫu trong suốt quá trình lấy mẫu kiểm tra Doping.

Bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn trong việc: thay thế và/hoặc pha trộn nước tiểu v.d. với proteases.

2. Tiêm và/hoặc truyền tĩnh mạch với liều lượng lớn hơn 50 mL trong vòng 6h; trừ những trường hợp đang điều trị hợp pháp theo hồ sơ bệnh viện, phẫu thuật hoặc trong quá trình kiểm tra lâm sàng.

### M3 GENE DOPING

Những việc sau đây, với khả năng làm tăng thành tích thi đấu, bị cấm:

1. Chuyển các đoạn polymers của các axit nucleic hoặc **các hợp chất tương tự axit nucleic**.

2. Sử dụng các tế bào bình thường hoặc tế bào biến đổi gene.

# CÁC CHẤT VÀ PHƯƠNG PHÁP BỊ CẤM TRONG THI ĐẤU

NGOÀI CÁC CHẤT CẤM TRONG MỤC TỪ S0 TỚI S5 VÀ CÁC PHƯƠNG PHÁP CẤM TỪ M1 TỚI M3 Ở BÊN TRÊN, CÁC CHẤT VÀ PHƯƠNG PHÁP DƯỚI ĐÂY BỊ CẤM TRONG THI ĐẤU:

## CÁC CHẤT CẤM

### S6 CÁC CHẤT KÍCH THÍCH

Tất cả các chất kích thích, bao gồm cả các đồng phân, v.d. đồng phân dạng d- và l-, đều bị cấm.

Các chất kích thích bao gồm:

#### a: Chất cấm không đặc hiệu:

**A**drafinil;  
Amfepramone;  
Amfetamine;  
Amfetaminil;  
Amiphenazole;  
**B**enfluorex;  
Benzylpiperazine;  
Bromantan;  
**C**lobenzorex;  
Cocaine;  
Cropropamide;  
Crotetamide;  
**F**encamine;  
Fenetylline;  
Fenfluramine;  
Fenproporex;  
Fonturacetam[4-phenylpiracetam(carphedon)];  
Furfenorex;  
**L**isdexamfetamine;  
**M**efenorex;  
Mephentermine;  
Mesocarb;  
Metamfetamine(d-);  
p-methylamphetamine;  
Modafinil;  
**N**orfenfluramine;  
**P**hendimetrazine;  
Phentermine;  
Prenylamine; Prolintane.

Chất kích thích không có tên trong danh sách bên trên là *Chất kích thích đặc hiệu*.

#### b: Chất kích thích đặc hiệu.

Bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn trong những chất sau:

**4-Methylhexan-2-amine** (methylhexaneamine);  
**B**enzfetamine;  
**C**athine\*\*;  
Cathinone and its analogues, e.g. mephedrone, methedrone, and  $\alpha$ -pyrrolidinovalerophenone;  
**D**imethylamphetamine;  
**E**phedrine\*\*\*; **E**pinephrine\*\*\*\* (adrenaline); Etamivan;  
Etilamfetamine;  
Etilefrine;  
**F**amprofazone;  
Fenbutrazate;  
Fencamfamin;  
**H**eptaminol;  
Hydroxyamphetamine (parahydroxyamphetamine);  
**I**sometheptene; **L**evmetamphetamine;  
**M**eclofenoxate;  
Methylenedioxymethamphetamine;  
Methylephedrine\*\*\*;  
Methylphenidate;  
**N**ikethamide;  
Norfenefrine;  
**O**ctopamine;  
Oxilofrine (methysynephrine);  
**P**emoline;  
Pentetrazol;  
Phenethylamine and its derivatives;  
Phenmetrazine; Phenpromethamine;  
Propylhexedrine;  
Pseudoephedrine\*\*\*\*\*;

Selegiline;  
Sibutramine;  
Strychnine;  
Tenamfetamine (methylenedioxyamphetamine);  
Tuaminoheptane;

Và các chất khác có cấu trúc hóa học hoặc tác dụng sinh học tương tự.

Ngoại trừ:

- Clonidine;
- Các dẫn xuất của Imidazole sử dụng trong nhãn khoa/ hoặc bôi ngoài da topical/ophthalmic use và các chất kích thích nằm trong Chương trình giám sát năm 2017\*.

#### Giải thích:

- \* Bupropion, caffeine, nicotine, phenylephrine, phenylpropanolamine, pipradrol, và synephrine: Các chất này nằm trong Chương trình giám sát năm 2017 và *không bị coi là Chất cấm*.
- \*\* Cathine: Bị cấm khi nồng độ trong nước tiểu vượt ngưỡng 5 microgam trong 1ml.
- \*\*\* Ephedrine và methylephedrine: Đều bị cấm khi nồng độ trong nước tiểu vượt ngưỡng 10 microgam trong 1ml.
- \*\*\*\* Epinephrine (adrenaline): Không bị cấm khi sử dụng tại chỗ như cho mũi, mắt, hoặc kết hợp với thuốc gây mê
- \*\*\*\*\* Pseudoephedrine: Bị cấm khi nồng độ trong nước tiểu vượt ngưỡng 150 microgam trong 1ml.

---

## S7 CÁC CHẤT GÂY NGHIỆN

Các chất bị cấm gồm:

Buprenorphine;  
Dextromoramide;  
Diamorphine (heroin);  
Fentanyl và các dẫn xuất của nó;  
Hydromorphone;  
Methadone;  
Morphine;  
Nicomorphine;  
Oxycodone;  
Oxymorphone;  
Pentazocine;  
Pethidine.

---

## S8 CANNABINOIDS (CÀNH SA)

Các chất bị cấm:

- Các dạng tự nhiên, v.d. cannabis, hashish và marijuana, hoặc  $\Delta^9$ -tetrahydrocannabinol(THC) dạng tổng hợp.
- Cannabimimetics, v.d “Spice”, JWH-018, JWH-073, HU-210.

---

## S9 GLUCOCORTICOIDS

Tất cả các glucocorticoids đều bị cấm khi sử dụng qua đường uống, tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp hoặc đặt hậu môn.



# CÁC CHẤT CẤM TRONG NHỮNG MÔN THỂ THAO ĐẶC THÙ

## P1 ALCOHOL

Alcohol (ethanol) chỉ bị cấm trong thi đấu trong những môn thể thao sau đây. Việc phát hiện được tiến hành bằng phân tích hơi thở hoặc xét nghiệm máu. Ngưỡng bị tính là một vi phạm Doping là khi có nồng độ alcohol trong máu tương đương 0.10 g/L

- Thể thao trên không (FAI) • Đua ô tô (FIA)
- Bắn cung (WA) • Đua thuyền (UIM)

## P2 NHÓM THUỐC CHẸN BETA

Các thuốc chẹn Beta chỉ bị cấm trong thi đấu ở một số môn thể thao sau đây, và đồng thời bị cấm Ngoài thi đấu khi có thông báo.

- Bắn cung (WA)\*
- Đua ô tô (FIA)
- Billiards (tất cả các nội dung thi đấu) (WCBS)
- Phi tiêu (WDF)
- Golf (IGF)
- Bắn súng (ISSF, IPC)\*
- Trượt tuyết/trượt ván tuyết (FIS), nhảy tự do trên không
- Các môn thể thao dưới nước (CMAS) trong bộ môn Lặn vo với trọng lượng cố định có hoặc không có chân nhái, Lặn vo dùng tay kéo lên hoặc sợi dây thừng, Lặn vo dạng Blue Jump, lặn biển bắn cá, Lặn vo tĩnh, bắn súng

Các môn có đánh dấu \* nghĩa là đồng thời bị cấm ngoài thi đấu

Bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn trong các chất sau:

Acebutolol;	Labetalol;
Alprenolol;	Levobunolol;
Atenolol;	Metipranolol;
Betaxolol;	Metoprolol;
Bisoprolol;	Nadolol;
Bunolol;	Oxprenolol;
Carteolol;	Pindolol;
Carvedilol;	Propranolol;
Celiprolol;	Sotalol;
Esmolol;	Timolol.



[www.wada-ama.org](http://www.wada-ama.org)  
[www.vada.org.vn](http://www.vada.org.vn)

